

NHẬN THỨC VỀ NĂNG LỰC NGHỀ CỐT LÕI CỦA GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO XU HƯỚNG GIẢNG DẠY TÍCH CỰC HIỆN NAY

ThS. Đoàn Hùng Tráng, ThS. Đỗ Thị Huyền Trang

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Tóm tắt: Năng lực giáo viên cốt lõi là năng lực nghề then chốt của giáo viên Giáo dục Thể chất trong việc giải quyết những vấn đề nghề nghiệp phức tạp, khó lường của các quá trình hoạt động giáo dục, là sự phản ánh toàn diện năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn cơ bản trong quá trình vận hành và đổi mới hoạt động giảng dạy chuyên môn. Việc tiến hành xây dựng các kế hoạch công tác ngắn và dài hạn, các kế hoạch tự bồi dưỡng, tự học tập chuyên môn và đổi mới hoạt động dạy học theo hướng tích cực thông qua khám phá thực tế như hướng dẫn phân loại chương trình giảng dạy, tích hợp chuyên môn trong và ngoài lớp học, đổi mới tư duy và phương pháp,... Mục đích của bài báo là xem xét các yếu tố lý thuyết để nhận thức rõ hơn các yếu tố năng lực nghề cốt lõi qua đó hoàn thiện các yếu tố lý luận, góp phần tăng cao quan điểm và nhận thức của giáo viên môn Giáo dục Thể chất.

Từ khóa: Giáo dục Thể chất; Giáo viên Giáo dục Thể chất; Năng lực nghề; Cốt lõi; Tích cực.

Abstract: Core teacher competencies are the key professional competencies of Physical Education teachers in solving complex and unpredictable professional problems of educational processes, and are a comprehensive reflection of competencies. Apply basic professional knowledge in the process of operating and innovating professional teaching activities. Carrying out the development of short- and long-term work plans, self-training plans, professional self-study and innovating teaching activities in a positive direction through practical exploration such as guidance on classifying programs. curriculum, integrating expertise inside and outside the classroom, innovating thinking and methods,... The purpose of the article is to review theoretical factors to better understand core vocational competency factors. The core thereby perfects the theoretical elements, contributing to increasing the perspectives and awareness of Physical Education teachers.

Keywords: Physical education; Physical Education Teacher; Professional capacity; Core; Positive.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, khi phương pháp trình bày, truyền thụ kiến thức và bản chất giáo dục (GD) chưa thay đổi căn bản theo hướng tích cực, hiện đại hóa thì yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng Giáo dục Thể chất (GDTC) trường

học phụ thuộc vào năng lực nghề nghiệp cốt lõi (NLNNCL) của giáo viên (GV) GDTC (GVGDTC). Trong những năm gần đây, các hệ thống đào tạo GVGDTC Việt Nam đã không ngừng được cải tiến theo hướng nâng cao chất lượng tổng thể, tuy nhiên cũng còn

tồn tại những vấn đề như khả năng thích ứng yếu và sự phù hợp của GVGDTC đối với nhu cầu thực tế đổi mới của xã hội, năng lực hiểu biết giảng dạy chưa đầy đủ, tinh thần trách nhiệm, chất lượng giảng, năng lực đổi mới, phương pháp thực hành,... còn nhiều hạn chế. GV là nòng cốt của mọi kế hoạch GD, chính vì vậy nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo GV là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo phát triển các hoạt động GD&ĐT. Tuy nhiên, làm thế nào để NLNNCL có thể đi sâu vào các quá trình đào tạo GV qua đó hình thành các giá trị NLNNCL ngay từ ban đầu là một trong các nhiệm vụ trọng tâm và quan trọng cho hiệu quả thực tế giảng dạy nghề nghiệp.

Nghiên cứu tiếp cận vấn đề từ góc độ lý thuyết dưới dạng nghiên cứu tổng hợp và phân tích lý luận, thông qua đó hình thành các lý luận liên quan đến yếu tố NLNNCL của các GVGDTC trường học. Nguồn tài liệu nghiên cứu được tổng hợp từ các báo cáo đã công bố, trong đó có mở rộng đối với các nghiên cứu nước ngoài từ các trang Science, Pub, CNKI,... với các từ khóa “Physical education”, “Physical Education Teacher”, “Professional capacity”, “Core”, “Positive”,...

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1. Vai trò của NLNNCL đối với GVGDTC

GVGDTC đảm bảo các tiêu chuẩn nghề nghiệp là các GV có ý thức nghề nghiệp tốt, có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào các hoạt động sư phạm để hoàn thành các mục tiêu GD. Ngoài ra, GVGDTC đạt chuẩn phải có khả năng áp dụng kiến thức để thực hiện thành công những đổi mới GD theo hướng đổi mới chất lượng, hiệu quả.

NLNNCL là sự phản ánh toàn diện về kiến thức và khả năng, đặc biệt đề cập đến những năng lực quan trọng của con người trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp và thích ứng với những tình huống không định trước liên quan đến quá trình thực hành nghề nghiệp. Đối với GVGDTC, NLNNCL có thể

được xác định là các yếu tố nhận thức, trình độ, khả năng đổi mới, sử dụng thành thạo các kỹ năng liên quan đến việc nắm vững và vận dụng kiến thức các môn GDTC, phản ánh đúng sự hiểu biết ban đầu về môn học, có khả năng đột phá, vượt qua hệ thống phương pháp để phát triển chuyên môn bản thân. NLNNCL có thể được sử dụng là chỉ tiêu để xem xét các mức độ hoàn thành nhiệm vụ nghề nghiệp của GVGDTC.

NLNNCL của GVGDTC là sự phản ánh toàn diện kiến thức chuyên môn GDTC, khả năng hiểu môn học và khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy. Nếu giải thích dưới góc độ ba chiều toán học thì trình độ đọc viết cốt lõi = chiều dài (L) × chiều rộng (W) × chiều cao (H), trong đó L được xác định là mức độ thể hiện kỹ năng thể thao, W thể hiện nền tảng lý thuyết, H thể hiện trách nhiệm xã hội. Theo quan điểm này, NLNNCL của GVGDTC là sự phản ánh của: Trách nhiệm xã hội + nền tảng lý thuyết + kỹ năng thể thao.

1.1. Tinh thần trách nhiệm xã hội

Ý thức trách nhiệm xã hội là sự phản ánh toàn diện các quan niệm, tình cảm, trí tuệ giáo dục và phong cách giảng dạy. Trong lĩnh vực GDTC trường học, việc đổi mới chương trình giảng dạy đã diễn ra gần như chưa mang lại kết quả thiết thực dẫn đến vị thế của GDTC tại Việt Nam chưa có sự cải thiện và đứng đúng vị thế của mình. Để có thể cải thiện và nâng cao chất lượng, các GVGDTC cần xác định tăng cường hơn nữa tinh thần sẵn sàng trong nghề nghiệp, sự cống hiến, tích cực đổi mới hướng tới hiệu quả, chất lượng.

1.2. Nền tảng lý thuyết chuyên môn vững

Nền tảng lý thuyết vững hay không sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều khiển hoạt động giảng dạy, hoàn thành các mục tiêu GD và đổi mới.

Xét về mặt cấu trúc kiến thức thì kiến thức tổng quát phải có tính bao quát, chặt chẽ, quy chuẩn, và phải sử dụng thuần thục được.

NLNNCL của GVGDTC phải bao gồm những kiến thức phổ thông như sư phạm, tâm lý học phải rộng, kiến thức về khoa học TDTT và cơ thể con người phải cơ bản, chương trình GDTC, giảng dạy và rèn luyện những kiến thức có điều kiện phải đầy đủ, có năng lực xây dựng chương trình GD theo định hướng mục tiêu. Ngoài ra, kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá và liên kết trong hoạt động GD cũng cần phải đáp ứng các tiêu chí cơ bản trở lên. NLNNCL của GVGDTC có ý nghĩa quyết định GV thực hiện hoạt động nghề nghiệp ở mức độ nào, có thể dạy, dạy tốt, hiệu quả hay không.

1.3. Kỹ năng thực hành thể thao tốt

Kỹ năng thực hành thể thao chuyên môn là điều kiện tiên quyết, thể hiện nội hàm kỹ năng vượt trội trong việc thực hành thành thạo và có ý thức trong việc điều khiển, kiểm soát vận động trong thể thao. Đối với những GVGDTC, các kỹ năng thể thao xuất sắc bao gồm các NLNNCL như thi đấu, huấn luyện và quản lý thể thao cũng như đổi mới kỹ thuật và chiến thuật. Là GVGDTC, chỉ biết các thông số kỹ thuật và phương pháp giảng dạy là chưa đủ, từ góc độ kỹ năng, GVGDTC chỉ giải thích, chứng minh và sửa đúng kỹ thuật không còn đáp ứng được nhu cầu nhận thức của học sinh. Tốc độ, sức mạnh, biên độ, nhịp điệu và khả năng thi đấu thực tế của kỹ năng thể thao đã trở thành nhu cầu cơ bản và quan trọng của GVGDTC đạt và vượt tiêu chuẩn.

2. Nhận thức về NLNNCL của GVGDTC

2.1. Bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề

Đối với GVGDTC, kỹ năng thể thao là yếu tố then chốt trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Chương trình giảng dạy trước tiên phải đảm bảo cho việc trau dồi các kỹ năng thể thao cho cả hai phía, GV và học sinh. Chương trình giảng dạy là phương tiện cốt lõi của mọi kế hoạch GD phát triển NLNNCL cho các GVGDTC và cũng là

điều kiện cơ bản để thực hiện và phân loại GVGDTC ngay từ ban đầu. Vấn đề chất lượng GVGDTC hiện nay không phải là vấn đề bản thân việc dạy học mà là vấn đề thiết kế chương trình giảng dạy và đào tạo GVGDTC.

a) Tăng cường hiệu quả công tác GD NLNNCL của các kế hoạch đào tạo GVGDTC: Kế hoạch chương trình giảng dạy đại học cho chuyên ngành GDTC cần phải đảm bảo tăng cường kỹ năng (cả kỹ năng thực hành và kỹ năng mềm), tuy nhiên hiện nay đa số chương trình đào tạo đều có xu hướng gói gọn chương trình, dẫn đến việc giảm đáng kể số giờ vận động và suy giảm kỹ năng thể thao của sinh viên. Ví dụ: Giờ chuyên sâu hệ niên chế mỗi học kỳ học 3-4 học phần trong môn học chuyên sâu (90-120 tiết thực hành), hệ tín chỉ thường từ 2-3 tín chỉ trong môn chuyên ngành/01 học kỳ (60-90 tiết thực hành).

b) Xây dựng, chuẩn hóa tiêu chuẩn đánh giá trình độ kỹ năng thể thao: Tiêu chuẩn đánh giá trình độ kỹ năng vận động là bước đầu tiên để đạt được mục tiêu đào tạo GVGDTC đảm bảo các tiêu chuẩn, nó là nền tảng của GD GVGDTC và có chức năng như sự động viên, nhận dạng và chứng nhận chuyên môn. Bằng cách xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá trình độ kỹ năng thể thao cho sinh viên tại các Trường đào tạo GVGDTC, chúng ta sẽ tăng cường đánh giá trình độ kỹ năng thể thao và cải thiện kỹ năng thể thao của sinh viên. Nội dung cần xác định tăng cường đánh giá các điểm chính và thêm vào đó là khả năng ứng dụng linh hoạt của các kỹ thuật. Các chỉ số chính bao gồm cường độ, tốc độ, các thông số kỹ thuật của chuyển động, cường độ tải và độ chính xác của hành vi vận động, tính thẩm mỹ và nhịp điệu của chuyển động, sự phối hợp và sức mạnh chuyển động, bao gồm cả phong cách thi đấu,...

c) Tăng cường rèn luyện thể chất: Để thực hiện được cần có các kế hoạch kiểm tra thể lực thường kỳ hoặc thường niên, điều

này sẽ tác động đến người học trong việc tự chuẩn bị thể lực. Đồng thời, thông qua các quá trình đánh giá có chu kỳ, các nhà GD sẽ nắm bắt được tình hình thể chất của học sinh, qua đó thực hiện các đánh giá và điều chỉnh phù hợp các kế hoạch giảng dạy.

d) Xây dựng môi trường thể thao tích cực lành mạnh: Gợi ý các đơn vị trường học cần tổ chức và xây dựng các mô hình kiểm tra thể chất thường kỳ, tăng cường các phong trào thể thao và quy định về việc tổ chức giải thi đấu thể thao thường niên, qua đó tạo không khí và môi trường để sinh viên, học sinh có động lực phấn đấu liên tục. Ngoài ra, cũng có thể thiết kế các kế hoạch tăng cường sự tương tác trong và ngoài các lớp học, tăng mức độ khả năng cạnh tranh, khả năng tự đào tạo, khả năng đổi mới, khả năng quản lý,... của học sinh liên quan đến kỹ năng thể thao bằng cách tổ chức một loạt các hoạt động như thi giảng dạy chuyên môn, thi kỹ năng giáo viên và giảng dạy và đào tạo trong lớp học mô phỏng. Thêm vào đó, thông qua các hoạt động như câu lạc bộ thể thao thanh thiếu niên, trại hè, ngoại khóa,... thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng thể thao cho học sinh được mở rộng ra ngoài lớp học.

2.2. Tăng cường năng lực đổi mới giảng dạy

Năng lực đổi mới giảng dạy là sự đột phá so với các nền tảng kiến thức ban đầu về mặt truyền thụ, trong đó phương pháp và phương tiện ban đầu của môn học, dựa vào việc tối ưu hóa quá trình giảng dạy để đạt được sự hòa nhập sâu sắc trong và ngoài lớp học để đạt được các mục tiêu GD.

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong giảng dạy: Sử dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy sự thay đổi trong dạy và học. Tích hợp các tài nguyên khóa học, tăng cường xây dựng nền tảng phụ trợ giảng dạy trực tuyến, giảm các hạn chế phương pháp giảng dạy trên lớp và hiển thị các khái niệm, phương pháp, quy tắc và nguyên tắc trong lý thuyết thể thao cơ bản thông qua video,

hình ảnh và các tài liệu trực quan khác để kích thích học sinh trong lớp tham gia thảo luận và phân tích tình huống, tạo môi trường học tập hợp tác nhóm và học tập tìm tòi, đồng thời đạt được mức độ bao phủ đầy đủ của việc đọc trước khi lên lớp, thảo luận trong lớp và tư duy sau giờ học cho các khóa học cơ bản và khóa học chính. Ứng dụng xem trước trong các công cụ giảng dạy trực tuyến dựa trên trí não tập trung vào phân tích vấn đề trong lớp học và thảo luận tiên tiến. Tư duy sau giờ học có không gian điểm nhấn, không gian tương tác và không gian kiểm tra để mở rộng tài nguyên học tập ngoại khóa và mở rộng việc học trên lớp một cách hiệu quả.

b) Tích cực áp dụng các phương pháp giảng dạy trực quan, giải quyết vấn đề: Các chủ đề đào tạo và giảng dạy thông thường và thực tế được thiết lập theo cách bắt nguồn từ vấn đề nhằm khám phá các nguyên tắc cơ bản và nâng cao hiểu biết của học sinh liên quan đến lý thuyết cơ bản. Thiết lập kế hoạch giảng dạy trực quan cho các khóa học về thể thao và khoa học cơ thể con người, quy mô lớp học giới hạn 20-30 sinh viên, học sinh để đảm bảo tần suất và độ sâu tương tác giữa GV và học sinh, đồng thời tạo điều kiện phản hồi kịp thời về hiệu quả giảng dạy. Tăng cường tỷ lệ các lớp thực nghiệm trong các kiến thức cốt lõi như giải phẫu thể thao, sinh lý và cơ sinh học thể thao, tối ưu hóa việc giảng dạy trực quan và giảng dạy trải nghiệm của các lớp thực nghiệm, đạt được sự phân bổ 1:1 giữa các lớp lý thuyết và các lớp thực nghiệm, đồng thời tăng cường thực nghiệm lý thuyết cơ bản.

c) Phương pháp dạy học trải nghiệm kỹ năng vận động: Chuyển đổi cách dạy truyền thống trước đây về học tập kỹ năng vận động từ hoàn chỉnh sang phân chia, từ trình diễn giải sang giải thích, từ bắt chước tại chỗ sang thực hành lặp lại có di chuyển, đồng thời tạo ra các yêu cầu có tính thử thách, thay đổi phương pháp giảng dạy trong lớp học, kích thích hứng thú và trí tò mò, tưởng tượng,

kích thích tính tự tư duy của học sinh trong việc học kỹ năng vận động thể thao.

2.3. Tăng cường nhận thức và tinh thần trách nhiệm xã hội

a) Thiết lập các quy chế quản lý phù hợp, lấy phát huy tính chủ động và tự nguyện làm nòng cốt và mục tiêu: Các nhà trường đào tạo và các nhà quản lý chuyên môn cùng với hội sinh viên cần có tính liên kết lấy hiệu quả thực tế làm tiêu chuẩn trong việc quản lý các hoạt động học, sinh hoạt chuyên môn của sinh viên. Gắn việc học tập chính quy trên lớp với cá giờ tự học để cùng định tính nhiệm vụ học tập, gắn thực hành nghề nghiệp với hoạt động tình nguyện thường xuyên. Đề cao chức năng GD đạo đức bằng và thông qua thể thao, liên kết các hoạt động tập luyện, thi đấu chuyên với các hoạt động ngoại khóa để hướng tới các lợi ích liên quan đến nhận thức và kỹ năng thể thao nâng cao. Tích cực trong hoạt động rèn nghề để có thể nhận thức và hình thành phong cách học tập cá nhân, nhận thức giá trị trong các cuộc thi, kiểm tra và hình thành tác phong sư phạm TĐTT. Để có thể làm được, cần xác định có thể tiến hành các giờ luyện tập tổng thể dạng thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ như các trường cơ sở, phổ thông.

Một quan điểm khác tích cực hơn, là tạo ra môi trường tích cực phù hợp với đặc thù lứa tuổi và nhận thức thực tế để sinh viên có thể phát huy tính trẻ, năng động, năng khiếu và sự đam mê thể thao, yêu thích ngành sư phạm, kích thích trí tò mò, tích cực chủ động tạo ra sự chuyên cần. Qua đó hình thành phong cách học tập và tính phấn đấu cho sinh viên. Một trong những yếu tố ảnh hưởng sinh viên hiện nay đối với học tập là việc sử dụng thiếu kiểm soát các thiết bị điện tử giải trí, các nhà trường, các nhà GD, hội sinh viên cần có biện pháp thay đổi thói quen sử dụng điện thoại di động tốt và tạo thói quen học tập tốt.

Các lớp học dù là lý thuyết hoặc thực hành cần có tiêu chí rõ ràng và riêng biệt: Quy tắc, định mức và kế hoạch. Điều này

có thể đạt được dễ dàng bởi các GV, nếu họ nhận thức vấn đề tốt.

b) GD tích hợp tình huống thực tế và đa dạng nhằm hướng tới nhận thức và kinh nghiệm sâu sắc về nghề nghiệp của sinh viên ngành GDTC: Các tình huống thực tế cần đa dạng cả về tính địa phương, tính đa dạng về mức độ GD, cấp GD,... Các tình huống thực tế cần được lựa chọn để có thể hình thành ý thức trách nhiệm của sinh viên, giúp sinh viên hiểu rõ thực tế nghề nghiệp, quy định và điều kiện GD, khơi dậy lòng say mê học tập của sinh viên.

c) Tăng cường các giá trị năng lượng tích cực và nội tâm hóa trách nhiệm xã hội: Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội và hoạt động tiếp sức nội bộ trong các cơ sở GD nhằm kích thích các giá trị đạo đức, năng lực tích cực của sinh viên như: Tích cực, chủ động học tập, kiên trì, phấn đấu,... qua đó lan tỏa năng lượng tích cực, gắn kết chặt chẽ kết quả học tập, thành công, cảm hứng với các yếu tố phục vụ nghề nghiệp. Mỗi học kỳ diễn ra ở chế độ thi nghiêm túc kết hợp với GD ngoại khóa có mục tiêu như thi hội giảng, nghiệp vụ, thi đấu thể thao,... có lồng ghép hợp lý các giá trị giáo dục ý thức danh dự tập thể để thực hiện việc nuôi dưỡng trách nhiệm xã hội.

2.4. Phát huy tính sáng tạo từ các trải nghiệm thực tế

a) Làm phong phú nội dung GD gắn liền với thực tế xã hội: Trong quan niệm GD phương Tây lấy chủ nghĩa vị kỷ làm trung tâm, mối quan hệ xã hội của “cái tôi” bỏ qua trách nhiệm cá nhân, dẫn đến “xóa bỏ GD”. Vì vậy, Whitehead nhấn mạnh trong “Mục đích của GD” rằng GD phải là yếu tố tồn tại lớn nhất để đạt được sự thăng tiến và nuôi dưỡng “tinh thần trách nhiệm và sự tôn trọng” của những người có học thức.

Đối với GVGDTC, trách nhiệm xã hội trước hết là trách nhiệm đối với các vấn đề sức khỏe thể chất của học sinh, thể hiện ở

việc tạo ra kênh kết nối hiệu quả giữa tinh thần và ý chí, thể xác và tâm hồn, đồng thời phát huy tối các lợi ích của thể thao đối với con người. Thêm vào đó, ý thức trách nhiệm xã hội được thúc đẩy bởi cảm xúc GD thông qua các tấm gương của GV. Cảm xúc GD mang lại động lực nội tại mạnh mẽ để đảm bảo cho người GV cống hiến lâu dài cho sự nghiệp GD, đồng thời là nguồn duy trì lòng nhiệt huyết với GD. Ngoài ra, các kế hoạch đào tạo GVGDTC phải hướng tới việc bồi dưỡng cho học sinh trí tuệ thể thao và tinh thần thể thao, biết chịu trách nhiệm, thấm nhuần giá trị GD tinh thần, nhân cách của thể thao vào con người thông qua tính kỷ luật, đáp ứng các quy định nghề nghiệp, đổi mới, tăng cường năng lực chuyên môn,... Trong hệ thống GD, chỉ có sự hiểu biết cao về lý thuyết chuyên môn mới có thể làm phong phú thêm ý nghĩa GD của GDTC.

b) Thay đổi nhận thức, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp giảng dạy: Cần thay đổi phương pháp dạy học dựa trên trí nhớ trong phương pháp truyền thống trước đây, giảm việc dạy trên lớp các khái niệm, lý thuyết bằng trí nhớ, chuyển sang định hướng bằng tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề, phát huy kiến thức thông qua các liên kết dạy học bổ sung, tự học, thu hoạch kết quả và điều chỉnh kiến thức trên lớp và phát triển sau giờ học.

Khả năng hiểu trong giảng dạy bao gồm bốn khả năng: Hiểu biết về chuyên môn, hiểu biết của học sinh, hiểu biết môn học và hiểu biết về lớp học. Năng lực hiểu biết chuyên môn đòi hỏi phải nắm vững các kiến thức giảng dạy GDTC cần thiết cho việc giảng dạy và khả năng thiết kế, thực hiện, đánh giá, phản ánh và nghiên cứu việc giảng dạy GDTC. Năng lực hiểu biết của sinh viên đòi hỏi sinh viên phải biết tôn trọng quyền, địa vị, nhân cách của học sinh trong quá trình giảng dạy GDTC, quan tâm đến sức khoẻ thể chất và tinh thần của học sinh, nắm bắt một cách khoa học các quy luật phát triển thể chất và tinh thần của học sinh, nắm bắt chính xác tình trạng thể chất

của học sinh, kích thích động cơ học tập của học sinh, bồi dưỡng năng lực thể thao của học sinh. Khả năng hiểu môn học đòi hỏi phải làm quen với kiến thức lý thuyết cơ bản, các giới hạn và sự phát triển, ý tưởng chủ đề của các môn thể thao, nắm bắt chính xác bản chất của các sự kiện thể thao và thành thạo các phương pháp và phương tiện giảng dạy các sự kiện thể thao liên quan đến kỹ và chiến thuật cơ bản. Khả năng hiểu lớp học đòi hỏi phải hiểu các yếu tố cơ bản của lớp học như GV, học sinh, nội dung, phương pháp, môi trường và có khả năng sử dụng các bài tập sinh lý, giải phẫu, thể thao,... Các lý thuyết cơ bản như cơ sinh học và tâm lý học có thể nắm bắt chính xác đặc điểm và mối quan hệ qua lại của từng yếu tố, hướng dẫn học sinh hiểu sâu sắc về đặc điểm và yêu cầu giảng dạy của GDTC, phản ánh có ý thức về các vấn đề GDTC và không ngừng nâng cao động lực học tập chuyên môn nội tại của học sinh.

c) Theo dõi thể lực và tăng cường rèn luyện kỹ năng thể thao: Là GVGDTC, thể lực tốt là điều kiện tiên quyết để thành thạo trong thực hành và truyền thụ các kỹ năng thể thao. Yếu tố quan trọng đầu tiên là rèn luyện thể chất. Một thân hình cường tráng, cơ bắp săn chắc, tư thế đoan trang, thân hình cân đối, cân nặng phù hợp là những yêu cầu cơ bản đối với GVGDTC và cũng phải có kiến thức để có thể chú ý đến nhiều chỉ số thể chất khác nhau của học sinh trong việc thay đổi, tăng cường rèn luyện cá biệt. Kỹ năng thể thao tiêu chuẩn và tinh tế là điều kiện của GVGDTC đạt tiêu chuẩn, chỉ có kỹ năng thể thao điêu luyện và tinh tế mới có thể đạt được các giá trị tấm gương trong lớp học. Vì vậy, cần tăng cường cường độ và tần suất rèn luyện thể chất trong các khóa học đào tạo GVGDTC, chú ý phát triển phối hợp tốc độ, sức mạnh, sức bền, sự linh hoạt, nhanh nhẹn và các phẩm chất khác, tăng cường rèn luyện thể chất cho các môn thể thao đặc biệt, chuẩn bị cơ thể cho trau dồi kỹ năng thể thao và tăng thành tích thi đấu thực tế.

d) Tích cực học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy: Căn cứ vào đặc điểm của môn GDTC và đặc điểm học tập “tích cực” của học sinh, sáng tạo đa dạng các phương pháp tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành các phương pháp học tập tích hợp chuyên sâu trong và ngoài lớp học như giao tiếp, thảo luận trong lớp, kết hợp thực hành và tương tác, hợp tác giải quyết vấn đề, thuyết trình bày và báo cáo, thảo luận, làm việc nhóm,... Việc xây dựng mô hình dạy học theo phát triển năng lực thực tiễn, giải quyết vấn đề có hiệu quả,... nhằm biến lý thuyết thành thực tế. Cũng cần xem xét tăng thời lượng, mở rộng không gian, chú trọng tính tích cực, chủ động của sinh viên, mở rộng phạm vi giảng dạy trực quan, thúc đẩy sự quan tâm đến nghiên cứu khoa học thể thao và trau dồi tư duy nghiên cứu khoa học,... trong các chương trình đào tạo GVGDTC và chuyên môn tương đương.

KẾT LUẬN

Tóm lại, việc GD NLNNCL của những

GVGDTC cần phải là kết quả của sự nỗ lực tổng hợp của nhiều môn học và nhiều yếu tố, không thể một trường đại học độc lập hoàn thành được mà đòi hỏi các bên cùng tìm tòi, chia sẻ trách nhiệm và hợp tác trau dồi. Đồng thời, việc hình thành NLNNCL của GVGDTC đòi hỏi phải xử lý phù hợp ranh giới giữa các khái niệm như NLNNCL và kiến thức cơ bản, kỹ năng cơ bản.

Để trau dồi kiến thức và kỹ năng cho học sinh, chúng ta không chỉ đơn thuần dựa vào cải cách dạy học trên lớp để nâng cao trình độ kiến thức và kỹ năng mà còn phải rèn luyện cho học sinh thói quen tìm tòi, suy ngẫm kiến thức, kỹ năng một cách máy móc. Để có thể hướng đến sự phát triển hoạt động GDTC ở nước ta, không nên chỉ dựa vào trí nhớ máy móc và hiểu biết hời hợt về kiến thức, kỹ năng thể thao mà phải chuyển hóa từ bên trong thành cách hiểu và cách tư duy nhân văn về các hoạt động vận động, giúp học sinh hình thành thói quen tư duy độc lập và ý thức học tập để phát huy hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Building a High-Quality Teaching Profession*, OECD, 2010.
- [2]. Đặng Thành Hưng (12/2012), *Năng lực và GD theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lý GD, số 43.
- [3]. 3. Đặng Thành Hưng (2/2011), *Mô hình đào tạo GV dựa vào chuẩn ở các Trường và Khoa Sư phạm*, Tạp chí Quản lý GD, số 21.
- [4]. 4. Đặng Thành Hưng (2004), *Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại*, Tạp chí GD số 2/78, H.
- [5]. 5. Harwell Sandra H (2003), *Teacher Professional Development: It's Not an Event, It's a Process*, CORD, P.O. Box 21689, Waco, Texas, USA.
- [6]. 6. Vivien Stewart, *How Singapore Developed a High-Quality Teacher Workforce*.